

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nh

2. Ông Hà Minh T

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Bằng Lăng, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. ***Bị đơn:*** ông Lâm Văn H, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Bằng Lăng, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của bà Phạm Thị Kiều T trình bày: Bà với ông Lâm Văn H yêu thương với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi sinh con thì hai bên thường cự cãi với nhau là do ông H không chịu làm ăn, cho đến năm 2021 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà thấy tình cảm không còn xin ly hôn ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với ông H có 01 con tên là Lâm Bảo Nh, sinh ngày 08/5/2012. Khi ly hôn bà có yêu cầu được con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn H trình bày: Ông và bà T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL ngày 28/3/2006. Trong thời gian chung sống hai bên sống có hạnh phúc, có lúc sống ông và bà T thường xảy ra cự cãi với nhau Nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Nay ông còn thương vợ con không đồng ý ly hôn.

Về con chung có 01 con chung tên Lâm Bảo Nh, sinh ngày 08/5/2012. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Nh lời bà T trình bày là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Lâm Văn H đăng ký kết hôn ngày 28/3/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay bà T yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi kết hôn bà T và ông H về sống gia đình bên bà T cho đến năm 2008 thì ông, bà ra sống riêng. Theo bà T khai sau khi ra riêng ông H không chịu làm ăn mà thường xuyên nh nhệ về chửi mắng và đánh đập bà, còn ông H thừa nhận có nh Nhng khi cự cãi thì bà T bỏ về cha mẹ ruột nên ông có chửi và đòi đánh bà T. Xét thấy về hôn nhân bà T và ông H sống hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2008 thì hai bên thường cự cãi với nhau. Cho đến năm 2021 mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông H càng trầm trọng với nguyên nhân, ông H khi nh về thường hay chửi mắng bà T nên bà bỏ về cha mẹ ruột sống, từ đó làm cho ông H càng bức tức nóng giận nên đánh bà T, sự việc xảy ra Công An xã xử phạt hành chính ông H về hành vi gây rối trật tự theo trình bày của ông H. Ngoài ra theo đơn xin xác nhận của bà T cung cấp tại phiên tòa các đoàn thể ấp Bằng Lăng, xã L xác nhận việc ông H nh về chửi bới vợ con và quấy phá gia đình, vì vậy bà T sống ly thân ông H từ tháng 01/2022 đến nay. Tại phiên tòa bà T yêu cầu xin ly hôn, ông H

không đồng ý vì còn thương vợ con, Nhưng ông H không đưa ra giải pháp để chứng minh tình cảm của ông còn thương bà T và trách nhiệm với gia đình. Với những nguyên nhân trên cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông H không đạt được và cuộc sống chung của hai bên không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở.

[2.2] Về con chung, bà T và ông H thống nhất trong thời gian chung sống với nhau có 01 con chung là Lâm Bảo Nh, sinh ngày 08/5/2012 hiện nay sống chung với bà T. Tại phiên tòa bà T yêu cầu được nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh theo bản tự khai xin sống với mẹ (bà T) và cháu Nh là con gái, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T có cơ sở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông H.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà T và ông H thống nhất không có, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Kiều T

1. Về tình cảm: bà Phạm Thị Kiều T được ly hôn ông Lâm Văn H.

2. Về con chung: bà Phạm Thị Kiều T được quyền nuôi con chung là Lâm Bảo Nh, sinh ngày 08/5/2012 (hiện nay đang sống với bà T); ông Lâm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Kiều T phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0004214 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chuyển sang thành án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H